

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – L**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng

2/ Bà Võ Thị Ngọc Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 –

L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – L tham gia phiên tòa:

Không

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – L; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 79/2026/TLST-HN&GD, ngày 23 tháng 03 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HN&GD, ngày 04 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HN&GD, ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Trương Thị Kim N, sinh năm 1974. *Nơi cư trú:* Số nhà 303, đường Nguyễn Thị Định, thôn Võ Xu 1, xã L, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Dương Đức Q, sinh năm: 1975. *Nơi cư trú:* Số nhà 303, đường Nguyễn Thị Định, thôn Võ Xu 1, xã L, tỉnh L.

Tại phiên tòa có mặt bà N; vắng mặt ông Q không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, N đơn Trương Thị Kim N trình bày: Bà và ông Dương Đức Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Võ Xu (cũ), nay là UBND xã L vào ngày 20/9/1996, giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số I/96. Quá trình chung sống, bà và ông Q thường xuyên mâu thuẫn, thời

gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm từ 2022 đến nay. N nhân là do ông Q thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và không lo làm ăn để lo cho gia đình, bà có góp ý thì bị ông đánh chửi, dùng bạo lực với bà. Thời gian mâu thuẫn kéo dài 3-4 năm nay, nay bà xác định không thể chịu đựng được nữa, bà yêu cầu ly hôn ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Dương Đức T, sinh ngày 10/11/1996 và Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/8/2009, cháu Trọng đã trên 18 tuổi, cháu N hiện nay chưa đủ 18 tuổi, cần người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà thấy rằng ông Q hay say xỉn, không có công việc làm nên bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Theo bản tự khai ngày 14/4/2026, cháu Dương Thị Quỳnh N có ý kiến như sau: Ba, mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ vì mẹ yêu thương, quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn, ba cháu thường xuyên nhậu, ít quan tâm gia đình, con cái.

Tại xác nhận thông tin về cư trú ngày 15/4/2026 của Công an xã L, L: Bà Trương Thị Kim N có chồng là ông Dương Đức Q, sinh ngày 01/01/1975, có hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 303, đường Nguyễn Thị Định, tổ 6, thôn Võ Xu 3, xã L, tỉnh L

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông Q không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Q nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án nên không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Do hồ sơ không có thu thập tài liệu chứng nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn N đơn tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 17 – L đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của N đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của N đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

[3] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Võ Xu (cũ), nay là UBND xã L, tỉnh L. Đây là hôn nhân hợp

pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, xét thấy hôn nhân của ông Q và bà N đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng không có khả năng hàn gắn, bởi ông Q thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không lo làm ăn. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông nhiều lần để hòa giải hàn gắn cho ông bà nhưng ông Q không đến Tòa án, cho thấy ông đã không còn quan tâm bà N nữa nên bỏ mặc bà muốn làm gì thì làm. Hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà N, xử cho bà ly hôn ông Q là phù hợp.

Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung nhưng 01 cháu đã trên 18 tuổi. Cháu Dương Thị Quỳnh N chưa đủ 18 tuổi cần người chăm sóc, nuôi dưỡng. Mẹ cháu là bà N có nguyện vọng được nuôi cháu, nguyện vọng của bà cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Ông Q cũng không tranh chấp nuôi con. Nên giao cháu Như cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không cần xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

Về án phí: Bà N là người khởi kiện nên bà phải chịu toàn bộ án phí ly hôn quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn:

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị Kim N ly hôn ông Dương Đức Q.

- Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Kim N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung là Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/8/2009. Ông Dương Đức Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Căn cứ vào quy định tại Điều 143 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà N đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – L, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004583, ngày 23/3/2026. Bà N đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho N đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (10/6/2026), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Phúc Thị Thu Hà

